TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 918/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Xuân Sang

2. Ông Vũ Song Hào

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 848/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2105/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 3181/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1974
Địa chỉ: số nhà B Đường A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1966
Địa chỉ: số nhà B Đường A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2025 và lời trình bày của bà Nguyễn Thị D:

Bà và ông Nguyễn Văn N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 14/5/2004. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc do tính tình ông N nóng nảy, rất dễ nổi giận và mất kiểm soát nên thường có lời lẽ không phù hợp và hành vi bạo lực làm tổn thương tình cảm vợ chồng. Trong thời gian chung sống bà đã từng nộp đơn ly hôn nhưng vì ông N tha thiết níu kéo và thương

các con nên bà rút đơn. Thời gian qua ông N không thay đổi, không lắng nghe sự góp ý của bà và các con nên vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Đến nay vợ chồng không còn tương tác, thông cảm và chia sẻ được với nhau các vấn đề trong cuộc sống, sinh hoạt nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Nguyễn Văn N.

Con chung: Có ba con tên Nguyễn Thanh B, sinh ngày 12/8/2005 (đã trưởng thành); Nguyễn Bình Bảo T, sinh ngày 25/7/2009 và Nguyễn Thiên P, sinh ngày 22/8/2016. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con Nguyễn Bình Bảo T và Nguyễn Thiên P và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Văn N, đồng thời triệu tập ông N đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị D giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Ông Nguyễn Văn N thống nhất với lời trình bày của bà D về thời gian kết hôn. Theo ông vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu do kinh tế khó khăn, bà D thiếu tôn trọng ông làm cho ông mất niềm tin đối với bà D. Trường hợp bà D rút đơn khởi kiện thì ông sẽ thay đổi để vợ chồng cùng xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm lo nuôi dưỡng các con còn bà D kiên quyết và dứt khoát ly hôn thì ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D. Về con chung ông đồng ý giao các con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông tự thực hiện nghĩa vụ đối với các con. Ông xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc ly hôn nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Nguyễn Văn N. Về con chung: con Nguyễn Thanh B, sinh ngày 12/8/2005 đã trưởng thành; Giao hai con Nguyễn Bình Bảo T, sinh ngày 25/7/2009 và Nguyễn Thiên P, sinh ngày 22/8/2016 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà D không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Các đương sự xác định không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện

kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn cư trú tại phường B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn N có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 14/5/2004 nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông N là hợp pháp.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà D và ông N đã phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài do vợ chồng không còn sự chia sẻ, tôn trọng nhau. Bà D xác định mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài do thái độ cư xử của ông N không phù hợp, thiếu bình tĩnh làm cho bà phải chịu áp lực. Đến nay bà D xác định không còn tình cảm yêu thương ông N nên không thể cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững. Ông N có đề nghị bà D rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nhưng không xây dựng được niềm tin đối với bà D. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà D là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của đương sự phù hợp với các bản sao giấy khai sinh số 175 ngày 23/5/2005; 174 ngày 13/8/2009 và số 154 ngày 30/8/2016 của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định, đủ căn cứ xác định bà D và ông N có ba con chung tên Nguyễn Thanh B, sinh ngày 12/8/2005, đã trưởng thành; Nguyễn Bình Bảo T, sinh ngày 25/7/2009 và Nguyễn Thiên P, sinh ngày 22/8/2016. Bà D yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con Nguyễn Bình Bảo T và Nguyễn Thiên P. Xét, yêu cầu của bà D phù hợp với nguyện vọng của các con và được ông N đồng ý nên cần giao các con cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để bảo đảm quyền lợi cũng như sự ổn định về tinh thần, tâm lý của con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Tài sản chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị D;

Bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Nguyễn Văn N.

2. Con chung: Giao hai con tên Nguyễn Bình Bảo T, sinh ngày 25/7/2009 và Nguyễn Thiên P, sinh ngày 22/8/2016 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0027959 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đã nộp đủ.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV2 - TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Đương sự;
- UBND phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Hiền Lũy